

Bản án số: **466** /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-10-2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Duyên

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thanh Trúc;
2. Bà Trần Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thiên Kim – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè tham gia phiên tòa:

Bà Dương Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 640/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 703/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu A – Sinh năm 1983

Địa chỉ: 15/1B Ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Văn Q – Sinh năm 1985

Địa chỉ: 17/2 Ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 30 tháng 5 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu A trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu A và ông Trần Văn Q tự nguyện kết hôn năm 2006. Hai bên có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 137, quyền số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/10/2006.

Thời gian đầu vợ chồng cũng chung sống hạnh phúc. Nhưng kể từ năm 2015 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn do ông Q không chia sẻ và chăm lo cho gia đình. Bà A và ông Q thường xuyên cãi nhau về mọi vấn đề trong cuộc sống, cả hai không còn tin tưởng nhau. Bà A và ông Q đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Hai bên đều đã tự có cuộc sống riêng không còn sự quan tâm đến nhau nữa. Từ tháng 5/2019 đến nay bà A và ông Q đã sống ly thân.

Nay, bà Nguyễn Thị Thu A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn ông Trần Văn Q.

Về con chung: Bà A và ông Q có 01 con chung là Trần Vĩnh K – sinh ngày 26/8/2007. Theo nguyện vọng của con bà A đồng ý giao con chung cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và bà A không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ông Trần Văn Q là bị đơn trình bày có nội dung như sau:

Ông Trần Văn Q xác nhận những lời trình bày của bà A như ở trên về tình trạng pháp lý đối với quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung, nợ chung của ông Q và bà A là hoàn toàn đúng sự thật. Tuy nhiên, về mâu thuẫn vợ chồng theo ông Q là có phát sinh mâu thuẫn nhưng không có gì trầm trọng.

Bà A đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà A thì ông Q không đồng ý vì giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng.

Về con chung: Ông Q và bà A có 01 con chung là Trần Vĩnh K – sinh ngày 26/8/2007. Trường hợp tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giao con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc thì ông Q không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thu A là nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày ở trên.

Ông Trần Văn Q mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng ông Q vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 137 quyền số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/10/2006 thì bà Nguyễn Thị Thu A và ông Trần Văn Q có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thị Thu A xin ly hôn ông Trần Văn Q. Ông Q cư trú tại huyện Nhà Bè, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Văn Q đã Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng để tiếp cận công khai thu thập chứng cứ và hòa giải. Ông Q cũng đã được tòa án tổng đạt

giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như Quyết định hoãn phiên tòa để ông Q tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về các yêu cầu của đương sự:

[1] Bà Nguyễn Thị Thu A yêu cầu ly hôn ông Trần Văn Q vì từ năm 2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Cũng từ tháng 5/2019 đến nay bà A và ông Q đã mạnh ai người ấy sống, không ai quan tâm đến ai nữa và hiện nay cả hai đã sống ly thân.

Theo lời trình bày của bị đơn thì bị đơn cũng xác nhận là có mâu thuẫn vợ chồng nhưng không đến mức trầm trọng.

Căn cứ theo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ tại Hội liên hiệp phụ nữ xã Phú Xuân, Nhà Bè, huyện Nhà Bè thì cơ quan này không tiếp nhận sự việc mâu thuẫn giữa bà A và ông Q nhưng được biết giữa ông Q và bà A thường xuyên cãi vã và dẫn đến mâu thuẫn không thể nào sống chung với nhau được nữa. Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.

Hội đồng xét xử xét:

Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thu A và ông Trần Văn Q đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu có duy trì cuộc hôn nhân này thì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Hiện nay, cả hai bên đã sống ly thân. Hơn nữa, trong các lần hòa giải tại Tòa ông Q không đến chứng tỏ ông Q cũng không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này nữa. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thu A được ly hôn ông Trần Văn Q là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Bà A và ông Q có 01 con chung là Trần Vĩnh K – sinh ngày 26/8/2007.

Hội đồng xét xử xét:

Hiện nay trẻ K đang do ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Trẻ phát triển tốt, trẻ K có nguyện vọng muốn được ở với ba. Ngoài ra, bà A cũng đồng ý giao con chung cho ông Q tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà A không cấp dưỡng nuôi con vì không có điều kiện và ông Q cũng không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử việc giao trẻ Trần Vĩnh K cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc khi bà A và ông Q ly hôn là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của các bên.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông Q đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Thu A chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19; 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Về hình thức: Xét xử vắng mặt ông Trần Văn Q

Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu A được ly hôn ông Trần Văn Q.

2/ Về con chung: Giao con chung Trần Vĩnh K – sinh ngày 26/8/2007 cho ông Trần Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà Nguyễn Thị Thu A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn Q có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi bà Nguyễn Thị Thu A đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Bà Nguyễn Thị Thu A có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở Bà A thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha mẹ, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Thu A chịu, được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí mà Bà A đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/00034153 ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục T.H.A.DS huyện Nhà Bè;
- UBND xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Thị Duyên

